TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2025
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Lâm
Ông Nguyễn Văn Luận

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Lệ Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Mai Thị X, sinh năm 1984; Nơi thường trú: Thôn 3, Đông Y, xã Kỳ L, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ở hiện nay: Khu tái định cư Đông Y, tổ dân phố Ba Đ, phường Kỳ P, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1982; Nơi thường trú: Thôn 3, Đông Y, xã Kỳ L, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ở hiện nay: Khu tái định cư Đông Y, tổ dân phố Ba Đ, phường Kỳ P, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V; Địa chỉ: Số 02 đường Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Anh B - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh thị xã K (Vắng mặt)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Q - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh thị xã K (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Mai Thị X và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, vụ án có nội dung: Chị Mai Thị X và anh Nguyễn Xuân C đăng ký kết hôn tại UBND xã Kỳ L, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND xã Kỳ L, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) ngày 05/02/2007, hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu,

không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau và không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh C sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Xuân C.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Phương H, sinh ngày: 03/8/2021; Nguyễn Gia V, sinh ngày: 04/12/2007 và Nguyễn Gia H, sinh ngày: 16/6/2015. Chị X có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh Nguyễn Xuân C cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng mỗi con 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng tạo lập được tài sản chung là thửa đất thửa đất số 232, tờ bản đồ: Mảnh trích đo địa chính 01-2022, có diện tích 400,0m², địa chỉ: Khu tái định cư Đông Y, tổ dân phố Ba Đ, phường Kỳ P, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, được UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy CNQSD đất số DG 003... mang tên Nguyễn Xuân C và Mai Thị X; trên thửa đất có ngôi nhà hai tầng, quán tạm và một chòi lục giác và một số tài sản khác không có giá trị. Do anh Nguyễn Xuân C để cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con nên chị có nguyện vọng được chia phần diện tích đất có nhà ở để các con có chổ ở ổn định, đảm bảo cuộc sống vì ngoài chổ ở này thì Chị X và các con không có chổ ở nào khác. Chị sẽ có trách nhiệm hoàn trả ½ trị giá nhà ở và nếu phần diện tích đất được nhận lớn hơn phần diện tích đất chia cho anh C thì chị sẽ hoàn trả trị giá chênh lệch cho anh C theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá. Đối với phần đất không có nhà ở nhưng trên đất có một số tài sản chị không yêu cầu khấu trừ trị giá phần tài sản đã định giá là 16.361.400 đồng vào phần tổng tài sản của vợ chồng theo hướng có lợi cho anh Nguyễn Xuân C. Đồng thời, nếu anh C nhận trách nhiệm nuôi 03 con thì chị đề nghị chia phần đất có nhà cho anh C quản lý, sử dụng. Đối với các tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và các tài sản khác chị Mai Thị X không yêu cầu Tòa án định giá và phân chia. Nếu anh C có nhu cầu sử dụng thì nhường lại toàn bộ mà không yêu cầu phải hoàn trả tiền chênh lệch.

Về nợ chung: Vợ chồng nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh thị xã K (Ngân hàng A) số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 3716-LAV-202300850 ngày 13/7/2023 và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng. Hợp đồng có thời hạn đến ngày 13/7/2026, chưa đến hạn tất toán hợp đồng, tuy nhiên để thuận lợi cho việc trả nợ sau khi vợ chồng ly hôn thì yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ trả nợ của từng người, cụ thể là chị chịu trách nhiệm nhiệm trả ½ số tiền gốc và lãi phát sinh và giao cho anh Nguyễn Xuân C chịu trách nhiệm trả ½ số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Xuân C: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Xuân C vắng mặt không có ý kiến trình bày. Tuy nhiên, tại bản tự khai; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày

11/11/2024 anh Nguyễn Xuân C trình bày: Anh C xác nhận về thời điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời trình bày của Chị X. Anh C đồng ý thuận tình ly hôn với chị Mai Thị X; Về con chung: Anh C xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Phương H, sinh ngày: 03/8/2021; Nguyễn Gia V, sinh ngày: 04/12/2007; Nguyễn Gia H, sinh ngày: 16/6/2015. Cả 03 con ở với chị Mai Thị X từ thời điểm vợ chồng ly thân cho đến nay. Anh C thống nhất giao 03 con chung cho chị Mai Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 6.000.000đồng/tháng/03 cháu; Về tài sản chung, anh thống nhất với trình bày của Chị X, yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật; Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của người đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh thị xã K: Ngân hàng Agribank có cho anh Nguyễn Xuân C và chị Mai Thị X vay số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 3716-LAV-202300850 ngày 13/07/2023 kèm Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm nhận nợ số: 3716LDS202301193 ngày 14/7/2023 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm nhận nợ số: 3716LDS202301425 ngày 30/8/2023; mục đích vay: Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc nhu cầu đời sống; lãi suất: Biên độ nhất định 5.7%/năm; hình thức bảo đảm: Cho vay không có tài sản bảo đảm, ngân hàng giữ hộ giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DG 003..., số vào sổ cấp GCN: CH 02639 ngày 30/6/2022 mang tên anh Nguyễn Xuân C và chị Mai Thị X. Trong quá trình vay vốn đến nay, Chị X và anh C đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng đúng cam kết. Đến thời điểm xét xử hôm nay, Chị X và anh C còn nợ số tiền gốc là 200.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các điều khoản hợp đồng. Mặc dù, hiện nay hợp đồng tín dụng chưa đến hạn tất toán và người vay cũng không vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, để thuận lợi cho việc trả nợ của Chị X và anh C, cũng như quyền lợi của Ngân hàng thì đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị X về việc phân chia nghĩa vụ trả nợ, cụ thể là chị Mai Thị X và anh Nguyễn Xuân C mỗi người phải chịu trách nhiệm trả ½ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo cho đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, 55, 57, 58, 59, 60, 62, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 108, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024 ngày 16/5/2024 hướng dẫn một số quy định pháp luật về giải quyết án hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quân hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị X với anh Nguyễn Xuân C; Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của Chị X và anh C về việc giao cháu Nguyễn Phương H, sinh ngày: 03/8/2021, cháu Nguyễn Gia V, sinh ngày: 04/12/2007 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày: 16/6/2015 cho chị Mai Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Xuân C có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng 2.00.000.000đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Giao căn nhà 02 tầng gắn liền với diện tích đất 213,2m^2 và căn quán tạm với tổng trị giá 723.745.700đồng cho chị Mai Thị X; Giao phần diện tích đất trống 186,8m^2 có trị giá 186.800.000đồng cho anh Nguyễn Xuân C; chị Mai Thị X có trách nhiệm đưa lại cho anh Nguyễn Xuân C số tiền 268.472.750 đồng; Về nợ chung: Chị Mai Thị X mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền 100.000.000 đồng tiền nợ gốc khi đến hạn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 3716-LAV-202300850 ngày 13/7/2023 kèm Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm nhận nợ số: 3716LDS202301193 ngày 14/7/2023 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm nhận nợ số: 3716LDS202301425 ngày 30/8/2023; mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã thoả thuận cho đến khi hết hạn hợp đồng hoặc có thoả thuận khác; Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Mai Thị X chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí đối với toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng; Buộc chị Mai Thị X và anh Nguyễn Xuân C phải chịu án phí đối với phần trị giá tài sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] *Về tố tụng*: Chị Mai Thị X khởi kiện xin ly hôn, giải quyết nuôi con và phân chia tài sản chung vợ chồng, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Xuân C có nơi thường trú: Thôn 3, Đông Y, xã Kỳ L, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh và nơi ở hiện nay: Khu tái định cư Đông Y, tổ dân phố Ba Đ, phường Kỳ P, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Mai Thị X với anh Nguyễn Xuân C đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) ngày 05/02/2007. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị Mai Thị X nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng, không tôn trọng nhau và không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm. Từ tháng 02/2023 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị có nguyện vọng được ly hôn, giải phóng cho hai người để mỗi người có cuộc sống riêng, tốt đẹp hơn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Xuân C cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, không tôn trọng nhau, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị Mai Thị X.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng thương yêu, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau… nhưng hôn nhân giữa chị Mai Thị X và anh Nguyễn Xuân C không đạt được mục đích đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị X và anh Nguyễn Xuân C.

[3.2] Về con chung: Chị Mai Thị X và anh Nguyễn Xuân C thừa nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Phương H, sinh ngày: 03/8/2021; Nguyễn Gia V, sinh ngày: 04/12/2007 và Nguyễn Gia H, sinh ngày: 16/6/2015. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cả ba con đều ở với Chị X. Hiện nay, con Nguyễn Gia H và Nguyễn Gia V đã trên 07 tuổi và có đơn nguyện vọng được ở với mẹ. Chị X cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh Nguyễn Xuân C cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi các con đủ 18 tuổi. Qúa trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Xuân C Đồng ý việc giao con cho Chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng như yêu cầu. Do đó, cần giao cả 03 con cho chị Mai Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Mai Thị X và anh Nguyễn Xuân C về việc anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[3.3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Mai Thị X và anh Nguyễn Xuân C thống nhất xác nhận: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng tạo lập được thửa đất với diện tích 400,0m², thửa đất số 232, tờ bản đồ: Mảnh trích đo địa chính 01-2022, địa chỉ: Khu tái định cư Đông Y, tổ dân phố Ba Đ, phường Kỳ P, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, được UBND xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy CNQSDĐ đất số DG 003... mang tên Nguyễn Xuân C và Mai Thị X, trên thửa đất có ngôi nhà hai tầng, một quán tạm trước nhà và một số công trình nhỏ. Như

vậy, có cơ sở xác định những tài sản trên là tài sản chung của chị Mai Thị X và anh Nguyễn Xuân C. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc phân chia tài sản nên đề nghị Tòa án phân chia theo quy định.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chổ thì hiện trạng thửa đất đang tranh chấp không thay đổi gì so với diện tích được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với các hộ liền kề và chưa làm thủ tục tặng cho, mua bán hay chuyển nhượng cho ai. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà hai tầng kiên cố với diện tích 206,2m^2 được xây dựng vào năm 2014. Phía trước có xây dựng 01 quán tạm với diện tích 43,2m^2 được xây dựng vào năm 2015; Phía Bắc thửa đất là phần chưa xây dựng nhà ở, có diện tích 186,8m^2, trên đất xây một chòi tạm và trồng một số cây cối.

Về kết quả định giá tài sản: Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01-2022, diện tích 400m^2; loại đất ở đô thị tại Khu tái định cư Đông Y, tổ dân phố Ba Đ, phường Kỳ P, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là Khu tái định cư Đông Y, tổ dân phố Ba Đ, phường Kỳ P, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) có giá trị là 400.000.000đồng. Trị về tài sản gắn liền với đất là 526.906.900 đồng. Tổng giá trị tài sản về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 926.906.900đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị X thừa nhận từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì chỉ có chị cùng 03 con sinh sống trong ngôi nhà trên thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01-2022. Ngoài chổ ở này thì Chị X và các con không có chổ ở nào khác. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con nên có nguyện vọng được chia phần diện tích đất có nhà ở để chị và các con có chổ ở. Chị sẽ có trách nhiệm hoàn trả ½ trị giá nhà ở và nếu phần diện tích đất được nhận lớn hơn phần diện tích đất chia cho anh C thì chị sẽ hoàn trả trị giá chênh lệch cho anh C theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá. Đối với phần đất không có nhà ở nhưng trên đất có một số tài sản chị không yêu cầu khấu trừ trị giá phần tài sản đã định giá là 16.361.400 đồng vào phần tổng tài sản của vợ chồng. Chị Mai Thị X cũng cho rằng nếu anh C nhận trách nhiệm nuôi 03 con thì chị đề nghị chia phần đất có nhà cho anh C quản lý, sử dụng. Đối với các tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và các tài sản khác chị Mai Thị X không yêu cầu Tòa án định giá và phân chia vì những tài sản này giá trị không lớn. Nếu anh C có nhu cầu thì Chị X nhường cho anh C toàn quyền quản lý sử dụng mà không phải hoàn trả tiền chênh lệch cho chị.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chổ thì thửa đất số 232, tờ bản đồ số 01-2022, một phần đã xây dựng nhà 02 tầng kiên cố và phía trước có quán tạm trên diện tích đất 213,2m^2; phần diện tích đất còn lại 186,8m^2 hiện chỉ có xây một chiếc chòi lục giác có diện tích 15,4m^2 và một số cây cối, tiểu cảnh. Việc phân chia phần đất có nhà ở và phần đất trống thành hai phần sẽ đảm bảo diện tích sử dụng và đủ điều kiện tách thửa theo quy định. Chị Mai Thị X là người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung; hiện nay chị và 03 con đang ở trong ngôi nhà chung, ngoài chổ ở này thì Chị X và các con không có chổ ở nào khác. Mặt khác, tại biên bản thỏa thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng do Chị X cung cấp để chứng minh việc

trước đây anh Nguyễn Xuân C cũng đã đồng ý giao lại phần phần diện tích đất có nhà hai tầng kiên cố cho Chị X quản lý, sử dụng để tiện chăm sóc con cái, còn phần diện tích đất trống còn lại giao cho anh Nguyễn Xuân C quản lý, sử dụng. Vì vậy, cần chia phần đất có nhà ở có diện tích 213,2m^2 cho chị Mai Thị X được quản lý, sử dụng, có tứ cận cụ thể như sau: phía Bắc giáp giáp phần đất chia cho anh C, có chiều dài 24,89m; phía Nam giáp thửa đất số 234, có chiều dài 24,89m; phía Đông giáp đường giao thông, có chiều dài 8,57 m; phía Tây giáp thửa đất số 204, có chiều dài 8,57 m; Chia phần đất chưa có nhà ở có diện tích 186,8m^2 cho anh Nguyễn Xuân C quản lý, sử dụng, có tứ cận cụ thể như sau: phía Bắc giáp giáp thửa đất 233, có chiều dài 24,89m; phía Nam giáp phần đất chia cho Chị X, có chiều dài 24,89m; phía Đông giáp đường giao thông, có chiều dài 7,50m; phía Tây giáp thửa đất số 204, có chiều dài 7,50m.

Theo kết quả định giá tài sản, phần diện tích đất 213,2m^2 có nhà ở và công trình liền kề chia cho chị Mai Thị X có tổng trị giá 723.745.700đồng (Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất là 213.200.000 đồng; giá trị tài sản là 510.545.700 đồng); Phần đất có diện tích 186,8m^2 và tài sản trên thửa đất (chòi lục giác) chia cho anh Nguyễn Xuân C có tổng giá trị là 203.161.400 đồng đồng (Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất là 186.800.000đồng; tài sản trên đất (chòi lục giác) là 16.361.400đồng). Chị Mai Thị X không yêu cầu khấu trừ căn chòi lục giác trị giá 16.361.400đồng vào tổng trị giá tài sản của vợ chồng để chia là có lợi cho anh C. Như vậy, tổng trị giá về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để phân chia là 926.906.900đồng - 16.361.400đồng = 910.545.500 đồng, mỗi người được hưởng ½ trị giá tương đương số tiền 455.272.750 đồng. Chị Mai Thị X được nhận phần tài sản có trị giá 723.745.700 đồng nên có trách nhiệm hoàn trả giá trị chênh lệch cho anh Nguyễn Xuân C số tiền là 268.472.750đồng.

4. Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Mai Thị X và anh Nguyễn Xuân C vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 3716-LAV-202300850 ngày 13/7/2023 kèm Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm nhận nợ số: 3716LDS202301193 ngày 14/7/2023 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm nhận nợ số: 3716LDS202301425 ngày 30/8/2023. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Chị Mai Thị X và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thừa nhận Hợp đồng có thời hạn đến ngày 13/7/2026, chưa hết hạn tất toán hợp đồng. Tuy nhiên, để thuận lợi cho việc trả nợ khi đến hạn thì Chị X yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ trả nợ của từng người, Ngân hàng Agribank đề nghị Tòa án chấp nhận, cụ thể chị Mai Thị X có trách nhiệm trả ½ số tiền gốc và lãi phát sinh và anh Nguyễn Xuân C có trách nhiệm nhiệm trả ½ số tiền gốc và lãi phát sinh theo đồng tín dụng nêu trên. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị X: Buộc anh Nguyễn Xuân C và chị Mai Thị X mỗi người phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Agribank số tiền gốc 100.000.000 đồng khi đến hạn và tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc mỗi người phải trả theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 3716-LAV-202300850 ngày 13/7/2023 kèm Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm

nhận nợ số: 3716LDS202301193 ngày 14/7/2023 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm nhận nợ số: 3716LDS202301425 ngày 30/8/2023.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Mai Thị X tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con và toàn bộ án phí đối với nghĩa vụ Chị X và anh Nguyễn Xuân C phải trả nợ cho Ngân hàng Agribank.

Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với trị giá phần tài sản được chia.

[6] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Thị X tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 4.300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29, 33, 37, 51, 55, 57, 58, 59, 60, 62, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 108, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 3, Điều 24, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024 ngày 16/5/2024 hướng dẫn một số quy định pháp luật về giải quyết án hôn nhân gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị X và anh Nguyễn Xuân C.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị Mai Thị X và anh Nguyễn Xuân C: Giao 03 con chung là Nguyễn Phương H, sinh ngày: 03/8/2021; Nguyễn Gia V, sinh ngày: 04/12/2007 và Nguyễn Gia H, sinh ngày: 16/6/2015 cho chị Mai Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyễn Xuân C về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Phương H mỗi tháng 2.000.000 đồng, đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Gia V mỗi tháng 2.000.000đồng và Nguyễn Gia H mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai ngăn cấm cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao cho chị Mai Thị X được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 213,2m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 232, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo địa chính 01-2022, địa chỉ: Khu tái định cư Đông Y, tổ dân phố Ba Đ, phường Kỳ P, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là Khu tái định cư Đông Y, tổ dân phố Ba Đ, phường Kỳ P, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh), có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp phần đất chia cho anh Nguyễn Xuân C, có chiều dài 24,89m;

+ Phía Nam giáp thửa đất số 234, có chiều dài 24,89m;

+ Phía Đông giáp đường giao thông, có chiều dài 8,57m;

+ Phía Tây giáp thửa đất số 204, có chiều dài 8,57m.

(Có sơ đồ phân chia được đánh số thứ tự 3,4,5,6 kèm theo Bản án)

3.2. Giao cho anh Nguyễn Xuân C được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 186,8m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 232, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo địa chính 01-2022, địa chỉ: Khu tái định cư Đông Y, tổ dân phố Ba Đ, phường Kỳ P, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là Khu tái định cư Đông Y, tổ dân phố Ba Đ, phường Kỳ P, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh), có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 233, có chiều dài 24,89m;

+ Phía Nam giáp phần đất chia cho chị Mai Thị X, có chiều dài 24,89m;

+ Phía Đông giáp đường giao thông, có chiều dài 7,50m;

+ Phía Tây giáp thửa đất số 204, có chiều dài 7,50m.

(Có sơ đồ phân chia được đánh số thứ tự 1,2,3,6 kèm theo Bản án)

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ về quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

3.3. Buộc chị Mai Thị X phải hoàn trả cho anh Nguyễn Xuân C số tiền trị giá về chênh lệch tài sản an Cầm được nhận là 268.472.750 đồng *(Hai trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng)*.

4. Về nợ chung:

- Buộc chị Mai Thị X có nghĩa trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng khi đến hạn trả nợ và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 3716-LAV-202300850 ngày 13/07/2023 kèm Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm nhận nợ số: 3716LDS202301193 ngày 14/7/2023 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm nhận nợ số: 3716LDS202301425 ngày 30/8/2023.

- Buộc anh Nguyễn Xuân C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng khi đến hạn trả nợ và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 3716-LAV-202300850 ngày 13/07/2023 kèm Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm nhận nợ số: 3716LDS202301193 ngày 14/7/2023 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm nhận nợ số: 3716LDS202301425 ngày 30/8/2023.

5. Về án phí:

- Chị Mai Thị X tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, 10.000.000đồng án phí đối với toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Agribank và phải chịu 22.210.910 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng án phí chị Mai Thị X phải chịu là 32.510.910 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008439 ngày 05/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Số tiền án phí chị Mai Thị X còn phải chịu là 32.210.910 đồng *(Ba hai triệu hai trăm mười nghìn chín trăm mười đồng).*

- Anh Nguyễn Xuân C phải chịu số tiền 22.210.910 đồng *(Hai hai triệu hai trăm mười nghìn chín trăm mười đồng)* án phí có giá ngạch.

6. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chị Mai Thị X về việc chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 4.300.000 đồng *(Bốn triệu ba trăm nghìn đồng).*

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

8. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy dịnh tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- Các đương sự;
- UBND xã Kỳ L;
- Lưu Hồ sơ; VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Duy Hoàng